

# VĂN HOÁ BẢN ĐỊA CAMPUCHIA TRONG BỐI CẢNH VĂN HOÁ ĐÔNG NAM Á

PHẠM THANH TỊNH\*

**Tóm tắt:** Đông Nam Á là khu vực có nền văn hóa lâu đời, được tạo nên từ rất nhiều mối quan hệ và bản sắc riêng của mỗi dân tộc. Đông Nam Á trong bối cảnh tự nhiên riêng có “nóng ẩm, mưa nhiều, đặc biệt là có gió mùa” đã tạo nên đặc trưng của văn hóa - nền văn minh thực vật hay nền văn minh nông nghiệp lúa nước. Campuchia là một trong những chính thể có nét văn hoá bản địa phong phú, đa dạng, được sản sinh và nuôi dưỡng từ bối cảnh văn hoá Đông Nam Á. Bài viết đề cập đến những nét văn hoá bản địa Đông Nam Á, đồng thời làm sáng rõ những nét văn hoá bản địa của quốc gia được mệnh danh là “đất nước chùa tháp” trong bối cảnh đó - bối cảnh văn hoá Đông Nam Á.

**Từ khóa:** văn hoá, văn hoá bản địa, Đông Nam Á, Campuchia.

## Mở đầu

Nền văn hóa Ấn Độ có nhiều ảnh hưởng đến các nước thuộc khu vực Đông Nam Á, đặc biệt ảnh hưởng rõ nhất là Vương quốc Campuchia. Văn hóa Campuchia mang đậm dấu ấn của các tôn giáo du nhập từ Ấn Độ đặc biệt là Hindu giáo và Phật giáo. Suốt chiều dài lịch sử của Campuchia, các luồng tư tưởng tôn giáo này chi phối cũng như ảnh hưởng mạnh mẽ vào mọi mặt của đời sống cả vật chất lẫn tinh thần. Từ những công trình kiến trúc nguy nga lộng lẫy nổi tiếng thế giới như quần thể Angkor - di sản văn hóa thế giới cho đến các kiến

trúc nhà ở, trường học; từ những điệu nhảy truyền thống trong các ngày lễ hội trọng đại của quốc gia cho đến những bài hát ru con ngủ của các bà các mẹ cũng đậm chất tôn giáo. Tuy nhiên, cũng cần phải nhấn mạnh rằng, trước khi tiếp xúc với văn hoá Ấn Độ và Trung Hoa, Campuchia cũng như các quốc gia khác ở Đông Nam Á đã có một nền văn hoá bản địa phong phú, đa dạng. Mặc dù trải qua một quá trình giao lưu, tiếp xúc lâu dài với các nền văn hoá Ấn Độ và Trung Quốc, nền văn hoá ấy không những không bị mai một mà còn được bổ sung, hoàn thiện và phát triển cho tới tận ngày nay, bởi vì nó đã được sản sinh và

\* TS. Phạm Thanh Tịnh, Viện Nghiên cứu Đông Nam Á

nuôi dưỡng trong bối cảnh Đông Nam Á - nền văn minh nông nghiệp lúa nước Đông Nam Á.

### 1. Những nét văn hóa bản địa Đông Nam Á

Các chứng cứ khảo cổ học, dân tộc học... đã minh chứng rằng Đông Nam Á đã tồn tại một nền văn hóa bản địa từ rất sớm trước khi tiếp xúc với nền văn minh, văn hóa bên ngoài. Khi nói về chủ nhân của nền văn hóa khu vực mà văn hóa Ấn Độ sẽ đối diện trong quá trình lan tỏa về phương Đông, G. Coedes cho rằng "...những người Ấn Độ đã thấy trước mắt họ, không phải là một tộc người man di không có văn hóa, mà là những xã hội được tổ chức, đã có một hình thức văn minh và không phải là không có những nét chung với họ"<sup>(1)</sup>. Sau này, D. G. E. Hall đã diễn đạt lại ý của G. Coedes "Khi Đông Nam Á chịu sự tác động sớm nhất của nền văn hóa Ấn Độ, thì khu vực Đông Nam Á đã có một nền văn hóa của riêng mình rồi"<sup>(2)</sup>. D. G. E. Hall cũng dẫn lại ý kiến của G. Coedes trong công trình đã dẫn, theo đó, nền văn minh Đông Nam Á có mấy đặc điểm sau đây, về mặt vật chất thì: (i) cày cấy những cánh đồng lúa nước, (ii) thuần dưỡng trâu bò, (iii) sử dụng kim loại thô sơ, và (iv) có kỹ năng về đi biển; về mặt xã hội thì: (i) tầm quan trọng của phụ nữ và của dòng dõi theo mẫu hệ, và (ii) tổ chức theo chế độ canh tác lúa nước; về mặt tôn giáo thì: (i) thuyết vật linh, (ii) thờ cúng tổ tiên và thần đất, (iii) đặt đền thờ miếu mạo ở nơi cao, (iv) chôn vào vại sành hay trong đài đá, và (v) thần thoại thấm nhuần thuyết nhị nguyên về vũ trụ luận gồm sơn đối xứng với hải, sinh vật có cánh

đối xứng với sinh vật dưới nước, người miền núi đối xứng với người ở duyên hải. Hơn nữa, các ngôn ngữ riêng của khu vực tỏ ra có khả năng phát sinh đáng lưu ý bằng cách thêm các tiền tố, hậu tố và trung tố<sup>(3)</sup>. Những đặc điểm mà G. Coedes và D. G. E. Hall đã nêu trên chính là cơ tầng văn hóa Đông Nam Á, vốn được hình thành và phát triển từ khởi thủy đến thời kỳ đầu Công nguyên, trước khi tiếp xúc với nền văn minh, văn hóa Ấn Độ và Trung Hoa. Đó là nền văn hóa dựa trên và chịu ảnh hưởng của nền văn minh lấy nông nghiệp lúa nước làm hình thức sản xuất chính, đồng thời chịu ảnh hưởng của khi hậu nhiệt đới gió mùa với hai mùa mang tính đối lập mưa/khô, nóng/ấm rồ rệt... Như đã nói, cư dân Đông Nam Á lấy sản xuất nông nghiệp lúa nước làm nguồn sống chính nên các hoạt động văn hóa (văn hóa vật chất, văn hóa tinh thần) đều xuất phát hoặc liên quan đến sản xuất nông nghiệp..., đồng thời toàn bộ cuộc sống của người dân đều gắn với tự nhiên, dựa vào tự nhiên, phụ thuộc vào tự nhiên nên mọi hoạt động văn hóa của cư dân Đông Nam Á đều liên quan đến tự nhiên. Qua các nghiên cứu của các nhà khoa học trong và ngoài nước, chúng ta có thể rút ra một số nét văn hóa chủ yếu của văn hóa bản địa Đông Nam Á trước khi tiếp xúc văn hóa bên ngoài như sau:

(i) Thuyết vạn vật hữu linh và tín ngưỡng: Cư dân Đông Nam Á quan niệm mọi vật đều có linh hồn như cơ thể sống (thuyết vạn vật hữu linh) nên họ thực hành nhiều loại hình tín ngưỡng tâm linh. Tín ngưỡng của cư dân Đông Nam Á có thể chia thành mấy loại chính sau đây. Một là Tín ngưỡng sùng bái tự nhiên: Như hầu



hết các cư dân xa xưa vốn lệ thuộc vào tự nhiên, cư dân Đông Nam Á đều có niềm tin và sùng bái các hiện tượng tự nhiên. Chúng ta có thể bắt gặp loại tín ngưỡng này ở khắp vùng như tục thờ thần đất, thần sông, thần suối, thần rừng, thần cây, thần đá, thần lửa, thần mặt trời, thần sấm, thần chớp, vv... Tín ngưỡng liên quan đến nghi lễ nông nghiệp: Là cư dân lấy nông nghiệp lúa nước làm nguồn sống chính, cư dân Đông Nam Á thực hành tín ngưỡng thờ thần lúa, tín ngưỡng thờ thần nước, tín ngưỡng phồn thực (tục thờ các bộ phận sinh thực khí của đàn ông và đàn bà) tượng trưng cho sự sinh sôi, phát triển, mùa màng bội thu. Đặc biệt khá phổ biến của cư dân Đông Nam Á là tín ngưỡng thờ mẫu, nó vừa phản ánh vai trò của người phụ nữ trong mối quan hệ mẫu hệ nhưng cũng liên quan đến chu trình canh tác lúa nước vốn gắn bó mật thiết với vai trò của người phụ nữ, gắn bó với sự sinh sôi, phát triển. Tín ngưỡng thờ người đã chết: người ta trân trọng, biết ơn, tưởng nhớ công lao những người đã chết, vì thế họ tổ chức lễ tục thờ cúng người đã chết ở trong nhà, ở ngoài vườn, ngoài rừng, trong các ngôi mộ đá, mộ sành, mộ chum, ở những nơi cao ráo, trang trọng, v.v...

(ii) Lễ hội: Cùng với sự đa dạng về tín ngưỡng là sự đa dạng, phong phú về lễ hội, về các nghi lễ nông nghiệp. Nhiều lễ hội được tổ chức ở khắp các làng quê như lễ hội giữ hồn lúa, lễ hội cầu mưa, lễ cúng cơm mới, lễ hội chuyển mùa, v.v...

(iii) Về ngôn ngữ, văn học nghệ thuật: Các tộc người trong khu vực chủ yếu sử dụng ngôn ngữ bản địa, văn học chủ yếu là văn học dân gian, các câu chuyện kể về quá trình hình thành các tộc người, các câu

chuyện liên quan đến đời sống sinh hoạt thường ngày. Văn học thành văn, văn học bác học chưa hình thành vì chưa có chữ viết của riêng mình, v.v...

Như vậy có thể thấy rằng, các học giả cũng thừa nhận có một vùng văn hóa riêng biệt, độc đáo, mang bản sắc của nền văn hóa nông nghiệp trồng lúa nước. Từ cội nguồn của lịch sử cho đến ngày nay, văn hóa Đông Nam Á là một thực thể bao gồm các lớp "trầm tích" văn hóa, chồng lên nhau, bắt đầu từ lớp văn hóa bản địa nguyên sơ cho đến các lớp văn hóa đã được bản địa hóa từ văn hóa Ấn Độ, Trung Hoa, Ả Rập, Ba Tư, phương Tây... để tạo thành bản sắc văn hóa của cộng đồng dân cư Đông Nam Á. Trải qua những biến thiên của lịch sử với sự xâm nhập và tác động mạnh mẽ của nền văn hóa bên ngoài, nhất là văn hoá Ấn Độ suốt thời kỳ cổ - trung đại, văn hóa Đông Nam Á đã có nhiều thay đổi và xuất hiện nhiều yếu tố ngoại lai. Đúng như Edouard Herriot, cố nghị trưởng Pháp từng nói: "văn hóa là cái còn lại khi chúng ta đã quên đi tất cả, cái vẫn thiếu khi chúng ta đã học tất cả"<sup>(4)</sup> (La culture, c'est qui reste quand on a tout oublié, c'est ce qui manque quand on a tout appris) nên các giá trị, các đặc trưng cơ bản của văn hóa bản địa Đông Nam Á lục địa sẽ mãi tồn tại theo các dân tộc trong khu vực. Có chăng những đặc trưng ấy cũng chỉ biến đổi về mặt hình thức cho phù hợp với sự phát triển của xã hội, còn về nội dung vẫn giữ nguyên được những giá trị ban đầu. Trên tất cả, việc hiểu và nhận thức rõ ràng về nền văn hóa bản địa Đông Nam Á chính là cơ sở quan trọng để bác bỏ quan điểm phiến diện khi cho rằng văn minh Đông Nam Á chỉ là "văn minh ánh sáng



trắng”, “văn minh vệ tinh”, hoàn toàn do bên ngoài mang đến; hay những khuynh hướng đánh giá cao vai trò của văn hóa bên ngoài mà hạ thấp ý nghĩa của văn hóa bản địa. Từ đó, đẩy mạnh hơn nữa việc bảo tồn và lan tỏa những giá trị văn hóa bản sắc của khu vực.

## 2. Văn hóa bản địa Campuchia

Như chúng ta đã biết, Vương quốc Campuchia là một trong những quốc gia có quá trình hình thành lâu đời ở khu vực Đông Nam Á với truyền thống gần hai ngàn năm lịch sử dựng nước và giữ nước. Trong lịch sử khu vực, Campuchia là quốc gia được biết đến từng có những trang sử huy hoàng và nền văn hóa rực rỡ, đặc biệt là những nét văn hóa bản địa trên các phương diện: tín ngưỡng, gia đình - làng xã, nhà cửa, ăn mặc, lễ hội, ẩm thực được sản sinh và nuôi dưỡng trong bối cảnh văn hoá bản địa Đông Nam Á.

### 2.1. Văn hoá tín ngưỡng

Cũng như các quốc gia trong khu vực Đông Nam Á, trong tín ngưỡng dân gian, người Campuchia tôn thờ các vị thần linh. Với tín ngưỡng sùng bái tự nhiên, họ tin thần Đất, thần Nước, thần Lửa, thần Gió... họ tin Đontà; tin Arak; tin Aruk - thần cây; cây mọc trên núi cao; với tín ngưỡng thờ cúng người đã chết, họ tin Mèba (tổ tiên của họ) dù đã chết nhưng vẫn giữ gìn, chăm lo cho hạnh phúc con cháu. Bên cạnh đó, họ còn tin Neak Tà (những người được tin kính và có uy tín trong lúc sống) tiếp tục được hưởng quyền uy sau khi chết<sup>(5)</sup>.

Cũng như các quốc gia Đông Nam Á, đất nước Campuchia là xứ sở của nền văn minh nông nghiệp lúa nước. Do vậy, nhịp sống con người ở đây cũng tuân theo chu

trình của sản xuất lúa nước. Người dân Campuchia căn cứ vào chu kỳ chuyển vận của mặt trăng mà định ra lịch pháp. Với họ, Mặt trời biểu hiện cho lửa, khô hạn (cha), còn mặt trăng biểu hiện cho nước, ngập lụt (mẹ), là hai biểu tượng cơ bản mang tính lưỡng hợp trong hệ thống vũ trụ quan của cư dân nông nghiệp Campuchia. Cách tính lịch theo mặt trăng này phần nào đã chứng tỏ rằng người dân Campuchia đã nắm được chu trình tuần hoàn của tự nhiên, nhịp điệu lên xuống của sông nước và nước mưa để vận dụng một cách hài hòa vào những hoạt động trong đời sống sản xuất và đời sống sinh hoạt của mình. Ngoài chu trình của cư dân nông nghiệp lúa nước, người dân Campuchia còn có cách tính lịch hàng năm qua các thời kỳ phát triển. Vì vậy, hệ thống lịch hàng năm ở Campuchia có tới bốn cách tính, dựa theo bốn kỷ nguyên khác nhau: Kỷ nguyên cổ, Kỷ nguyên của Phật, Đại kỷ nguyên, Tiểu kỷ nguyên. Có hai cách tính thông dụng nhất là căn cứ vào Kỷ nguyên của Phật (hay còn gọi là Phật lịch) và Đại kỷ nguyên. Phật lịch được tính bắt đầu từ ngày Đức Phật Thích Ca nhập cõi Niết Bàn. Còn Đại kỷ nguyên thì khởi đầu vào năm 623 của Phật lịch. Bên cạnh đó, cũng như các cư dân nông nghiệp Đông Nam Á, người dân Campuchia cũng có cách tính lịch theo con giáp, tương ứng với tên 12 con vật, và phối hợp với cách tính bằng con số thứ tự (từ 0 đến 9) hình thành cách tính chu kỳ 60 năm. Qua các hệ thống tính lịch này, các nhà thiên văn học đã lập thành một tập lịch hàng năm, ghi đầy đủ những ngày lễ tôn giáo, tết cổ truyền, những ngày mưa, nắng, tốt xấu... theo quan niệm dân gian<sup>(6)</sup>.



## 2.2. Văn hoá gia đình - làng xã

Gia đình được xem là cái nôi, là tổ ấm trong đó mỗi con người được sinh ra và lớn lên để phát triển nòi giống, để được giáo dỡng (xã hội hóa) thành một thành viên của cộng đồng tộc người và cùng làm ăn chung sống. Gia đình, được xem là một tế bào, một đại lượng văn hóa nhỏ nhất của cộng đồng. Quan hệ hôn nhân là sợi dây ràng buộc quan trọng nhất trong thiết chế gia đình và quy định các kiểu phân loại gia đình khác nhau. Theo truyền thống, Campuchia gần như theo chế độ mẫu hệ, chính vì vậy, người phụ nữ có vai trò rất quan trọng, có thể được coi là chủ của gia đình. Họ coi trọng gia đình, coi đó là hạt nhân. Trong gia đình, người phụ nữ đóng vai trò chính. Gia đình bên vợ quan trọng hơn gia đình bên chồng. Trong cuộc sống thường ngày, sư sãi và người già được tôn trọng, gặp nhau hay chào hỏi theo lối nhà Phật, chấp tay và vái. Người Campuchia sống kín đáo, giản dị và nhã nhặn. Họ thường chào nhau theo kiểu truyền thống - chấp hai tay vào nhau như cầu nguyện, đầu hơi cúi xuống. Người Campuchia kiêng xoa đầu, bước qua đầu người khác là điều tối kỵ.

Ở Campuchia, cha được gọi là “*âu púc*”, mẹ gọi là “*M’ dai*”. Mẹ có nghĩa là mẹ như “*Mekong*” là sông mẹ. Nhưng cũng có nghĩa là trưởng như “*Mê phum*”. Ở Campuchia không có tục trọng nam khinh nữ theo lối Khổng giáo. Người già được kính trọng thì được gọi là “*Tà*” (nam). Cũng như mọi dân tộc khác, người Campuchia rất quý con, không kể là con trai hay con gái (nhiều trường hợp quý con gái hơn), anh chị em đối xử với nhau rất tình nghĩa.

Vợ chồng ít khi cãi nhau, đánh nhau. Bố mẹ ít khi đánh mắng con cái. Hàng xóm,

láng giềng ít khi khích bác, to tiếng với nhau. Nói chung, không khí trong làng, trong nhà đoàn kết, hòa thuận, giúp đỡ nhau trong mọi việc từ đời sống đến sản xuất. Đó là những tập quán còn duy trì cho đến bây giờ. Những cuộc ly dị, bỏ nhau cũng có nhưng thường xảy ra ở thành thị<sup>(7)</sup>.

Trước đây, tổ chức xã hội của người Campuchia dường như duy nhất, đơn giản nhất là làng. Làng ở Campuchia gọi là “*Phum*”, xã gọi là “*Khum*”. Ở vùng đồng bằng, làng thường gồm vài chục nóc nhà giữa cánh đồng hoặc bên đường cái hoặc cạnh các bãi ven sông. Làng ở các tỉnh miền núi thuộc vùng Đông Bắc hoặc Tây Bắc thường rất thưa thớt. Người thay mặt cho làng về mặt hành chính là “*Mê phum*” (trưởng phum). Dưới trưởng phum không còn ai khác. Không có phe, giáp, nhà thờ họ, hội đồng tộc biểu... Vì quan hệ láng giềng là chủ yếu cho nên cư dân Đông Nam Á trong đó có Campuchia rất coi trọng người già (những người nhiều tuổi bậc trên, có nhiều kinh nghiệm và uy tín trong con cháu), và quản lý làng bản dựa trên chế độ già làng. Già làng là cốt lõi của cái mà ta gọi là dân chủ công xã<sup>(8)</sup>. Ngoài phạm vi hành chính, người có vị trí quan trọng nhất trong làng là Acha. Acha là người môi giới giữa nhân dân và thần thánh. Acha điều khiển mọi cuộc lễ. Người ta hỏi Acha ngày lành tháng tốt để làm lễ cưới hay cất nhà... Làng nào cũng có một đội nhạc cổ truyền vì nhạc coi như một thứ lễ bắt buộc trong mọi nghi thức vui, buồn, chữa bệnh... Ngoài ra, làng nào cũng có một bà mụ đỡ đẻ<sup>(9)</sup>.

Những đơn vị xã hội làng, tồn tại tách biệt hoặc liên minh với nhau. Tất cả các thành viên trong cùng một làng tập hợp lại



không theo nguyên tắc huyết thống nữa mà theo nguyên tắc giữa những người đồng tộc cùng cư trú trên một khu vực nhất định, được quy định bởi một ranh giới khá mơ hồ. Những làng trong khu vực dù là đồng tộc hay khác tộc thường liên minh với nhau qua việc xác lập hôn nhân, trao đổi hàng hóa, lương thực, tổ chức vui chơi giải trí và đặc biệt trong việc chống kẻ thù bên ngoài. Ở mỗi làng có “một hội đồng già làng” mà người cầm đầu được điều khiển mọi công việc trong làng theo tinh thần dân chủ dựa trên phép tắc tập quán của địa phương. Các thành viên trong từng làng đã có ý thức sở hữu về nương rẫy, ruộng vườn của toàn thể cộng đồng và từng gia đình. Quyền sở hữu đất canh tác của từng gia đình là sự khẳng định quyền khai phá ban đầu của người lao động trong quyền sở hữu chung của toàn công xã. Đương nhiên đây chưa phải là quyền sở hữu trọn vẹn vì việc mua bán không tùy thuộc vào cá nhân từng gia đình.

Tùy theo từng tộc người, tổ chức gia đình có khác nhau hoặc theo mẫu hệ, nửa mẫu hệ, nửa phụ hệ, hoặc theo phụ hệ. Quy mô của từng gia đình cũng khác nhau. Có những đại gia đình với hàng trăm thành viên, nhưng cũng có những tiểu gia đình chỉ có năm bảy người, tất cả các thành viên trong gia đình làm chung, ăn chung và ở chung. Các gia đình trong làng dù là thân thuộc hay không thân thuộc đều tương trợ lẫn nhau về mọi phương diện. Trong xã hội, sự phân hóa giai cấp chưa rõ, chỉ mới có sự phân biệt giàu, nghèo với sự tích lũy của cải ban đầu bằng những tài sản mang tính chất phi sản xuất<sup>(10)</sup>.

### 2.3. Văn hoá nhà cửa

Campuchia là một đất nước có lịch sử lâu đời và thịnh vượng với các nền văn hóa

khác nhau, trong đó, luôn có những nghi lễ liên quan đến tín ngưỡng cổ xưa ở hầu hết các hoạt động của cuộc sống hàng ngày. Làm nông nghiệp lúa nước thì phải định cư. Do đó ngôi nhà là gia bản, là nơi chôn rau cắt rốn, là tổ ấm của mỗi gia đình. Ngôi nhà sàn là một sáng tạo độc đáo và rất duyên dáng của cư dân Campuchia. Nó không những thích hợp với khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa (thoáng mát), chống được thú dữ (ở cao), sử dụng vật liệu tại chỗ (gỗ, tre, nứa, lá), mà còn giải quyết được mặt bằng trên mọi địa hình, dù ở trên núi cao, bên sườn dốc, hay trên vùng sinh lầy. Nhà sàn cũng là một biểu tượng văn hóa tập trung trong đó những gì liên quan đến cuộc sống con người: những thiết chế gia đình, những quan niệm thẩm mỹ, những thói quen sinh hoạt. Cách bố trí mặt bằng trên - dưới, trong - ngoài là tuân thủ theo thiết chế gia đình trong các mối quan hệ giữa người sống và người chết, giữa các thành viên trong gia đình, giữa nam và nữ. Người chết trở thành tổ tiên linh thiêng nên bàn thờ phải đặt trên cao, quen với nếp sống lán giềng, người chủ nhà rất tôn trọng khách nên phòng khách phải ở nhà ngoài khang trang. Phong cách nhà cửa người Khmer là một điển hình về nhà ở của Campuchia. Điều đặc biệt làm cho ngôi nhà của người Khmer trở nên đặc biệt là cấu trúc mái nhà và trang trí của chúng. Tùy từng đối tượng mà vật liệu xây dựng nhà cũng khác nhau. Quý tộc và gia đình giàu có sử dụng đá, gạch, ngói. Nhà ngói bằng gỗ dành cho thương nhân giàu có. Các hộ nghèo với nguồn lực ít, họ sử dụng gỗ, tre, nứa làm vật liệu xây dựng. Nhóm nghèo nhất sống trong một túp lều được gọi là khtom.



Tùy thuộc vào vị trí địa lý, hình thức của ngôi nhà cũng có sự khác nhau. Ở những khu vực hay có lũ lụt thì mô hình nhà thường có sàn cao. Nhà sàn gắn với 0,4m đến 1,5m chiều cao từ mặt đất. Tầng trệt bên dưới nhà, người dân sử dụng để trữ củi hoặc nhốt gia súc vào ban đêm. Nhà sàn vừa với chiều cao 1,6m đến 4,0m. Đây là phong cách phổ biến nhất được lựa chọn. Ngay dưới tầng trệt ngôi nhà được sử dụng như phòng khách để thư giãn suốt cả ngày và đặt đồ nội thất phù hợp do trong một không gian mở, không có tường, luôn mát với gió lùa từ các cây xung quanh nhà. Thông thường, có một chiếc giường bằng gỗ hoặc tre được kê ở đây. Tầng trệt cũng được sử dụng là nơi lưu trữ các công cụ nông nghiệp như xe bò, cày, bừa.

Các khu vực trên lầu được chia thành ba phần: Phần đầu tiên hoặc trước được sử dụng như phòng khách, là nơi chủ đạo của ngôi nhà. Có một đi văng bằng gỗ và đồ nội thất. Trên tường có bức ảnh gia đình hay giải thưởng danh dự thể hiện mức sống của gia đình đó. Phần thứ hai hoặc trung tâm được sử dụng làm nơi ngủ cho cha mẹ và con. Đôi khi có một chiếc giường bằng gỗ dành cho phụ huynh và trẻ em ngủ trên tấm nệm trên sàn gỗ. Ban ngày, nệm gấp được sử dụng cho các hoạt động khác. Đôi khi, nhà bếp cũng được bố trí ở một góc của phần này trở lại. Vị trí nhà bếp của nhà Khmer phụ thuộc vào chủ sở hữu nhà, miễn là nó không được dựng ở phía Nam và phía Đông của ngôi nhà như nghi lễ cổ xưa đã cảnh báo. Nhà bếp có thể dựng ở phần sau của ngôi nhà, ở tầng đất dưới ngôi nhà, ở phần mở rộng của ngôi nhà, hoặc nó được xây dựng hoàn toàn tách biệt khỏi nhà.

## 2.4. Về trang phục

Người Campuchia có ý thức rất cao trong các ứng xử xã hội về cách ăn mặc. Tùy theo điều kiện, hoàn cảnh tiếp xúc, họ có lối ăn mặc phù hợp vừa thể hiện được vẻ đẹp truyền thống Nhưng điều quan trọng là họ hiểu rằng: y phục trước hết phải mang tính văn hóa. Trang phục truyền thống của người Campuchia có tên gọi đó chính là Sampot<sup>(11)</sup>, đây là một loại trang phục gắn liền với nét văn hóa đặc trưng của người Campuchia. Sampot truyền thống được đánh giá là gần giống một chiếc quần hơn là giống với một cái sarong hay một cái váy. Cùng với Sompot là chiếc áo Chang Pong<sup>(12)</sup> hoặc áo sơ mi. Áo sơ mi có thể đa dạng từ cotton bình thường đến lụa cắt may thanh lịch. Những chiếc áo này chủ yếu có màu sáng, để tương phản với màu trầm của sampot. Thêm vào đó là chiếc khăn Krama<sup>(13)</sup> trùm đầu. Đàn ông cũng mặc Sampot với chiếc áo tay hẹp mở cúc ở giữa, chiếc khăn Krama không nhất thiết phải mang trên người. Sampot có nhiều loại: Sampot Chang Kben trông giống một chiếc quần hơn là một chiếc váy và thường được mặc bởi phụ nữ thuộc tầng lớp thượng lưu và trung lưu ở Campuchia. Phần vải được quấn quanh eo và sau đó thắt nút giữa hai chân tạo nên dáng quần. Sampot Phamuong nhìn giống váy hơn Sampot Chang Kben và được người Campuchia yêu thích, Sampot Hol thì đây là những mẫu trang phục với nhiều họa tiết tinh tế và hoa văn khác nhau, với sắc đỏ, vàng, nâu, xanh dương, xanh lá theo mô tip động vật và hoa lá phục vụ cho nhu cầu thẩm mỹ của người Campuchia một cách đa dạng và phong phú nhất. Ngoài ba loại sampot phổ biến đã kể trên thì ở Campuchia còn nhiều loại sam-



pot ít phổ biến nhưng vẫn tạo được dấu ấn và nét cá tính riêng cho mình. Một trong số những mẫu sampot có thể kể đến như Sampot Alorn, Sampot Lberk, Sampot Seai Sua, Sampot Sâng, Sampot Chorabap, Sampot Samloy, Sampot Tep Apsara. Người dân Campuchia sử dụng trang phục sampot trong ngày thường và cả những dịp lễ đặc biệt.

Ở các thành phố lớn và thủ đô Phnom Penh, các viên chức nhà nước khi đi làm thường ăn mặc rất chỉnh tề, ít gặp trường hợp ăn mặc cầu thả khi đến nơi làm việc. Ở những vùng nông thôn với công việc đồng ruộng là chính thì người nông dân ăn mặc đơn giản hơn, cả đàn ông và phụ nữ thường mặc Sarong<sup>(14)</sup>, đàn ông ở trần, còn phụ nữ thì mặc thêm áo ngắn. Trẻ em nông thôn, con trai thì có gì mặc nấy (nếu còn ít tuổi), thậm chí chúng còn có thể chạy khắp nơi mà không cần mặc gì. Bé gái thì mặc loại Sarong có luồn chun ở cạp, khi lớn lên có ý thức thì chúng mới dám mặc loại Sarong không có cạp như chị hay mẹ của chúng. Nếu Sarong được xem như một bộ thường phục thì Sampot lại là lựa chọn của người dân Campuchia vào dịp lễ hội hay các sự kiện trang trọng.

### 2.5. Văn hoá lễ hội

Là những cư dân nông nghiệp, cuộc sống của cư dân ở Đông Nam Á được diễn ra theo nhịp điệu của cây lúa gắn bó giữa lịch nông nghiệp với lịch lễ hội. Mối quan hệ ấy được gắn với đời sống tâm linh như thờ thần linh, thờ tổ tiên, nghi lễ phồn thực nhằm cầu mong cho con người được an khang, mùa màng tươi tốt. Vì thế lễ hội là một hệ thống biểu tượng nhằm hiện thực hóa thế giới ý niệm về đời sống tâm linh bằng những nghi thức những hoạt

động để con người giao tiếp với thần linh. Người Campuchia cũng không nằm ngoài những quy luật ấy. Với họ, lễ tết cổ truyền, lễ té nước, lễ lấy ruộng, ngày tổ tiên hay lễ hội đua thuyền là những lễ hội hết sức quan trọng trong đời sống văn hoá của họ.

Người Đông Nam Á chia một chu kỳ mà ta gọi là năm thành hai mùa: mùa nắng và mùa mưa. Cuối mùa nắng thì họ chuẩn bị đốt rẫy, đầu mùa mưa thì gieo trồng. Vì vậy họ ăn tết vào thời kỳ chuyển mùa từ nắng sang mưa để bắt tay vào việc canh tác. Ở Lào, Thái Lan, Campuchia... gọi là tết năm mới, hay là tết cầu mưa, nên có tục té nước (hay còn gọi là Lễ hội té nước). Với Campuchia, đó chính là *Tết cổ truyền Chaul Chnam Thmey*. Tết cổ truyền của người Khmer cũng tương tự như lễ hội Songkran ở Thái Lan và Pi Mai Lao ở Lào. Lễ hội được kéo dài 3 ngày từ 13 - 15 tháng 4 hàng năm. Trong những ngày này, người Campuchia thường đổ ra đường hòa mình với không khí tung bùng, rộn ràng và tổ chức các hoạt động chào đón năm mới trong ba ngày. Ngày đầu tiên (Moha Songkran): Người dân chuẩn bị cho mình bộ áo quần đẹp nhất đến thấp hương và làm lễ ở chùa. Họ quỳ lạy và khấn cầu may mắn, hạnh phúc. Ngày thứ hai (Virak Wanabat): Người Campuchia tổ chức từ thiện, giúp đỡ những người vô gia cư, những gia cảnh nghèo khó để giúp họ cuộc sống tốt hơn cũng như tin tưởng vào cuộc sống ngày mai tươi đẹp. Ngày thứ ba (Virak loeung Sak): Người dân tiếp tục đến chùa nghe thuyết pháp, đốt đèn nhang, đưa nước ướp hương để tắm Phật. Điều này thể hiện sự tôn kính, niềm tin đối với Đức Phật, đồng thời họ tin rằng sau khi gột rửa những điều không may, họ sẽ chào đón một



năm mới đông đầy hạnh phúc và may mắn. Ngoài ra, vào những ngày lễ này, mọi người đi thăm hỏi chúc tết lẫn nhau và nấu những món ăn truyền thống như bánh tét, bánh ngọt, hoa quả... để dâng lễ và đãi khách.

Song hành cùng thời gian tổ chức ngày Tết cổ truyền Chol Chnam Thmey là lễ hội té nước. Với nhiều dân tộc trên thế giới, nước là biểu tượng cho sự sống, là phương tiện tẩy uế và là nguồn lực khởi thủy của sự sinh sôi nảy nở. Còn với cư dân trồng lúa Đông Nam Á thì "nhất nước nhì phân", vào mùa phải cầu mưa. Té nước là hình thức mô phỏng trời mưa được diễn ra sôi nổi trong ngày Tết. Lễ hội té nước ở Campuchia có tên là Bom Chaul Chnam cũng diễn ra vào các ngày 13-15 tháng 4 dương lịch. Lễ hội té nước được hình thành từ xa xưa mừng một mùa lúa thu hoạch bội thu, người ta té nước vào nhau để hy vọng một mùa vụ mới thành công. Đồng thời, vào những ngày này, người dân Campuchia đổ ra đường lấy nước tạt vào nhau như một lời chúc mừng năm mới. Với cư dân Đông Nam Á cây lúa là nhân vật trung tâm, do đó lịch trồng lúa, lịch lễ hội thờ thần lúa chiếm địa vị chủ đạo. Dựa trên chu kỳ sinh giới, nhịp điệu môi trường sinh thái và sinh hoạt quần thể, người ta lập lịch thời gian cho cấu trúc sinh giới và ứng dụng vào nông nghiệp có các cảnh quan và cây trồng vật nuôi khác nhau: sườn núi dốc, cao nguyên (rẫy dốc và rẫy bằng), thung lũng (ruộng - rẫy), châu thổ (ruộng - vườn) và duyên hải - đảo (trồng trọt - chăn nuôi và đánh bắt hải sản), và thiết lập lịch con nước cho việc đánh bắt cá và đi lại trên sông, trên biển nhằm tránh những thiên tai (gió bão, sóng thần...), khai thác những mùa chim mùa cá. Liên theo

đó là lịch những lễ hội nông nghiệp cầu mùa trong một năm. Với Campuchia, điển hình là Lễ hội lấy ruộng. Vào ngày 06/05 hàng năm, Campuchia sẽ diễn ra lễ hội lấy ruộng. Ngày xưa lễ hội này được diễn ra tại hoàng cung, được sự quan tâm của nhà vua và tất cả người dân Campuchia, tuy nhiên thành phần quan trọng và quan tâm nhiều nhất về lễ hội này là nông dân. Khi lễ hội lấy ruộng diễn ra, người ta thường lấy con bò làm biểu tượng cho mùa vụ tiếp theo bội thu. Thế giới nhân thần bắt nguồn từ tục thờ cúng tổ tiên trong gia đình, sau được mở rộng thành tục thờ cúng những người có công với cộng đồng: những ông tổ nghề, tổ làng, thậm chí của cả nước. Nhiều nhà khoa học cho rằng tục thờ cúng tổ tiên thực sự phát triển ở giai đoạn phụ quyền. Còn Đông Nam Á chắc chắn là sớm hơn khi xã hội còn ở chế độ mẫu hệ. Ở Campuchia, đó là ngày Tổ tiên Pchum Ben. Pchum Ben là một ngày lễ hết sức thiêng liêng với người dân "xứ chùa Tháp". Hàng năm cứ vào cuối tháng 9 đến đầu tháng 10, tính theo lịch của người Campuchia, lễ hội đặc biệt này lại diễn ra. Trong suốt thời gian đó, những người còn sống sẽ thể hiện lòng biết ơn và sự thương nhớ đối với linh hồn của người thân đã quá cố. Xuất phát từ tín ngưỡng tôn giáo của người dân xứ Chùa Tháp tin rằng con người khi chết đi sẽ đi vào một thế giới khác mà người ta hay gọi là địa ngục, và như vậy, sẽ có sự siêu thoát và sự tồn tại của những bóng ma. Một số người sau khi chết đi, vì những nghiệp ác gây ra từ khi còn sống nên khi chết phải chịu hình phạt dưới địa ngục và bị tra tấn ở dưới đó. Địa ngục có nghĩa là một thế giới hoàn toàn khác với thế giới của con người, là nơi mà những linh hồn của người chết



không thể nhìn thấy mặt trời, không có quần áo để mặc, không có đồ ăn thức uống để dùng. Chỉ có đến ngày lễ Pchum Ben, linh hồn của tổ tiên 7 đời sẽ trở về nhân gian thăm con cháu và hưởng thụ những đặc ân theo lời mời gọi của người thân trong gia đình họ. Người thân sẽ dâng tế những loại thực phẩm và làm lễ cúng dường cho họ. Lễ hội Pchum Ben có nhiều ý nghĩa quan trọng đối với người dân Campuchia: một là xin sự tốt lành cho bản thân mình, thứ hai xin sự bình an cho người thân và thứ ba là để bày tỏ lòng tôn kính của tổ tiên, ông bà quá cố.

Ngoài ra, người Campuchia còn có Lễ hội đua thuyền (đua ghe) - hay lễ hội Bon Om Touk. Lễ hội Bon Om Touk diễn ra từ ngày 14 -16 tháng 11 âm lịch hàng năm. Lễ hội được tổ chức trên sông Mekong của thủ đô Phnom Penh. Theo ghi chép lịch sử, lễ hội này có từ rất lâu ở Campuchia và các nước lân cận. Theo các nhà sử liệu, ở kỷ nguyên Angkor rực rỡ, thời vua Jayavarman VII vào thế kỷ 12, người Khmer đã chiến thắng oanh liệt trong một trận thủy chiến với nước láng giềng Champa. Để kỷ niệm chiến thắng này, lễ hội đua ghe được tổ chức hàng năm trên khắp các vùng miền của đất nước.

Trên đây là những lễ hội truyền thống lớn nhất của Campuchia, mỗi lễ hội mang một nét riêng đậm dấu ấn văn hoá bản địa Campuchia. Ngoài ra, sau khi giao lưu tiếp biến với các nền văn hoá Ấn Độ và Trung Hoa, Campuchia còn có những lễ hội mang đậm dấu ấn Phật giáo.

### 2.6. Văn hoá ẩm thực

Ẩm thực Campuchia, cũng như thói quen ẩm thực của nhiều dân tộc thuộc nền

văn minh lúa nước trong khu vực châu Á, có những điểm riêng biệt. Người dân Campuchia có thói quen ăn gạo tẻ và ăn cá nhiều hơn là ăn thịt. Vào các ngày lễ tết, ở nông thôn cũng như thành thị, người dân Campuchia đều có gói bánh tét, bánh ít. Phần lớn trong mỗi gia đình Campuchia đều có mâm bồ hóc<sup>(15)</sup> để ăn quanh năm. Các thực phẩm chủ yếu cho người dân Campuchia là lúa gạo. Hầu như mỗi bữa ăn đều có cơm. Các món khác như cari, súp hoặc khoai tây chiên thường là các món chính đi kèm khá phổ biến. Ngoài gạo, người Campuchia còn sử dụng nếp để chế biến ra các món xôi và cơm lam. Xôi thường đi kèm sấu riêng như là một món tráng miệng, còn cơm lam thường dùng như là một món thay thế cơm cho người nông dân làm ruộng khi mà họ không có thời gian chế biến.

### Kết luận

Cũng như các quốc gia trong khu vực Đông Nam Á, Campuchia trước khi giao lưu tiếp biến với các nền văn hoá Ấn Độ và Trung Hoa thì nền văn hoá Campuchia cũng đã từng có những nét văn hoá bản địa của riêng mình. Đông Nam Á được coi là một trong những chiếc nôi của nhân loại, với “điều kiện nóng ẩm, mưa nhiều và có gió mùa là hàng số tự nhiên của văn hóa Đông Nam Á, và chính nó đã góp phần tạo nên đặc trưng của văn hóa Đông Nam Á - nền văn minh thực vật hay nền văn minh lúa nước”<sup>(16)</sup>. Nền văn hóa của Campuchia được sản sinh và nuôi dưỡng trong bối cảnh văn hóa Đông Nam Á. Khí hậu nhiệt đới gió mùa nóng ẩm với hai mùa rõ rệt (mùa mưa và mùa khô) cộng thêm hệ thống sông ngòi chằng chịt đã chi phối tới



phong tục tập quán cũng như mọi hoạt động sản xuất của những người dân nơi đây, hình thành nên một nền văn hóa bản địa phong phú và hấp dẫn. Đó là một nền văn hoá mang đậm dấu ấn của văn minh nông nghiệp lúa nước Đông Nam Á./

### CHÚ THÍCH

1. G. Coedes (2008), *Cổ sử các quốc gia Ấn Độ hoá ở Viễn Đông*, NXB Thế giới, Hà Nội, 2008, tr. 39.
2. D. G. E. Hall (1997), *Lịch sử Đông Nam Á*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1997, tr. 27.
3. D. G. E. Hall (1997), tldd, tr. 27 - 28.
4. Xem thêm: Trương Sơn, Nhận thức về văn hoá phi vật thể. <http://thinhvuongvietnam.com/Content/nhan-thuc-ve-van-hoa-phi-vat-the-132511> (truy cập ngày 27/7/2023)
5. Lưu Đức Trung (1998, chủ biên), *Văn học Đông Nam Á*, Nxb Giáo dục, 1998, trang 67.
6. Phạm Đức Thành (1995), *Lịch sử Campuchia*, Nxb Văn hóa - Thông tin, 1995, trang 32-34.
7. Ủy ban Khoa học Xã hội Việt Nam - Viện Đông Nam Á (1985), *Tìm hiểu lịch sử - văn hóa Campuchia*, Nxb Khoa học xã hội Hà Nội, 1985, tập II, tr.181, 182.
8. Xem Nguyễn Từ Chi. Góp phần nghiên cứu văn hóa và tộc người. Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội, 1996, tr. 280 - 281.
9. Ủy ban Khoa học Xã hội Việt Nam - Viện Đông Nam Á (1985), tldd, tr.178.
10. Phạm Đức Thành (1995), tldd, tr.20, 21.
11. Trang phục truyền thống Sampot của người Campuchia là một miếng vải dài khoảng 3 mét và chiều rộng khoảng 1 mét. Nó được sử dụng để quấn quanh thắt lưng, giúp tôn dáng người phụ nữ khi mặc. Bộ trang phục được kết lại bằng một nút thắt sau đó được kéo lên giữa hai chân và cố định lại bằng một thắt lưng kim loại ngay trước bụng. <https://www.gocambodia.tours/sampot-cambodian-traditional-dress> (truy cập ngày 27/7/2023).
12. Phần cơ thể phía trên thì người Campuchia sẽ dùng Chang Pong - một loại vải bất kỳ vắt chéo ngang một bên, phần ngực sẽ được che đi và chỉ hở một ít phần bụng, giúp tôn lên được nét quyến rũ, cuốn hút của người phụ nữ Campuchia nói riêng và nét quyến rũ của người phụ nữ Đông Nam Á nói chung. <https://www.gocambodia.tours/sampot-cambodian-traditional-dress> (truy cập ngày 27/7/2023).
13. Krama là chiếc khăn truyền thống của Campuchia được làm bằng cotton hoặc lụa. <https://luhanhvietnam.com.vn/tour-campuchia/trang-phuc-truyen-thong-campuchia/> (truy cập ngày 27/7/2023).
14. Sarong là một bộ trang phục truyền thống Campuchia dành cho cả nam và nữ ở tầng lớp thấp. Nó được thiết kế từ 1 miếng vải được may ở 2 đầu, được buộc ở thắt lưng với nhiều màu sắc khác nhau.
15. Mắm bò hóc (prahok) là một trong những món ăn dân dã, đặc trưng của người dân Khmer ở Campuchia. Có 2 loại mắm bò hóc cơ bản là Prahok ch'oeung và Prahok sach. Mắm bò hóc được làm từ cá nước ngọt, sau khi làm sạch và nêm nếm gia vị, người dân sẽ mang cá đi sấy khô, ướp lẫn nữa với thính rồi cho cá vào hủ, ủ trong khoảng 4 - 6 tháng cho đến khi lên men, thành mắm là có thể mang ra để ăn. Mắm bò hóc là một trong những loại gia vị đặc trưng của người dân Khmer ở Campuchia, góp phần tạo nên nét riêng biệt và độc đáo cho nền ẩm thực của đất nước này. <https://www.tourcampuchia.com.vn/am-thuc-campuchia/mam-bo-hoc-gia-vi-dac-trung-cua-nen-am-thuc-campuchia> (truy cập ngày 27/7/2023).
16. Mai Ngọc Chừ (1999), *Văn hóa Đông Nam Á* (In lần thứ 2), NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, tr 17.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. D. G. E. Hall (1997), *Lịch sử Đông Nam Á*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1997.
2. G. Coedes (2008), *Cổ sử các quốc gia Ấn Độ hoá ở Viễn Đông*, NXB Thế giới, Hà Nội, 2008.
3. Lưu Đức Trung (1998, chủ biên), *Văn học Đông Nam Á*, NXB Giáo dục, 1998.
4. Mai Ngọc Chừ (1999), *Văn hóa Đông Nam Á* (In lần thứ 2), NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
5. Nguyễn Từ Chi (1996), *Góp phần nghiên cứu văn hóa và tộc người*. NXB Văn hóa thông tin, Hà Nội, 1996.
6. Phạm Đức Thành (1995), *Lịch sử Campuchia*, NXB Văn hóa - Thông tin, 1995.
7. Ủy ban Khoa học Xã hội Việt Nam - Viện Đông Nam Á (1985), *Tìm hiểu lịch sử - văn hóa Campuchia*, NXB Khoa học xã hội Hà Nội, 1985, tập II.